GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

*Vũ Thị Hồng Nga **

Tóm tắt: Từ đầu năm 2020 đến nay, thế giới đã và đang chịu ảnh hưởng nặng nề của 4 đợt liên tiếp bùng phát dịch Covid-19. Việt Nam đang phải đối mặt với làn sóng dịch bệnh lần thứ tư,với diễn biến phức tạp khó lường. Hiện các cơ quan chức năng dang nghiên cứu tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt gói hỗ trợ (đợt 2) với quy mô đủ lớn để giúp doanh nghiệp và người dân khắc phục khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế. Với vai trò là mạch máu của nền kinh tế, trong tình hình hiện nay ngành ngân hàng có nhiệm vụ kép: vừa phải nỗ lực phấn đấu nâng cao hiệu quả kinh doanh của chính mình,vừa phải tăng cường huy động, đáp ứng nguồn vốn giá rẻ cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh sau đại dịch. Vì vậy, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu đối với hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam.

Từ khoá: hoạt động ngân hàng, Covid-19, cơ hội, biện pháp, ngân hàng thương mại.

***Summary**: From the beginning of 2020 until now, the world has been heavily affected by 4 consecutive outbreaks of the Covid-19 epidemic. Vietnam is facing the fourth wave of epidemic with unpredictable and complicated developments. Currently, the relevant authorities are studying and advising the Government to submit to the National Assembly for approval a support package (phase 2) with a large enough scale to help businesses and people overcome difficulties, restore production and business, promote economic development. As the lifeblood of the economy, in the current situation, the banking industry has a dual task: both to strive to improve business efficiency for itself, and to enhance its mobilization activities at the same time for meeting cheap capital sources for the business community to develop production and business after the pandemic. Therefore, improving business performance is a top task for the system of commercial banks in Vietnam.*

***Keywords**: Banking activities, Covid-19, opportunities, measures, commercial banking.*

1. Thực trạng hoạt động kinh doanh của các NHTM

Đại dịch Covid-19 đã gây ra cú sốc lớn, dẫn tới cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu chưa từng có trong nhiều thập kỷ qua. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam nổi lên là điểm sáng hiếm hoi với những thành công trong điều hành kinh tế thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi và phát triển kinh tế,

* Khoa Ngân hàng,
Trường ĐH KD&CN Hà Nội

bảo đảm đời sống nhân dân". Năm 2020, nền kinh tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng 2,91% (dương) - tuy thấp so với nhiều năm qua, nhưng so với mức trung bình thế giới theo tính toán của IMF là (âm) -3,3% cho thấy, đây là thành công đáng được ghi nhận. Trong đó, có phần đóng góp không nhỏ của hệ thống NHTM về việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

1.1.Tình hình huy động vốn

Giai đoạn 2017-2021, nguồn vốn huy động của NHTM vẫn duy trì nức tăng trưởng qua các năm. Cụ thể, tăng trưởng huy động năm 2017 đạt 15%; năm 2018 đạt 12,4% và năm 2019 đạt 14,8%, năm 2020 đạt 14,5%. Tính đến 20/9/2021 theo số liệu của tổng cục thống kê, huy động vốn (HĐV) của các tổ chức tín dụng tăng 4,28% so với cùng kỳ 2020. Nguyên nhân khiến mức tăng trưởng HĐV có xu hướng giảm sút là do diễn biến phức tạp của dịch bệnh tại Việt Nam và các nước trên thế giới khiến các doanh nghiệp (DN) gặp nhiều khó khăn, phải thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều DN và cá nhân phải rút tiền gửi ngân hàng để trang trải các chi phí vận hành, trả lương nhân viên, sinh hoạt phí… Cùng với đó, nhu cầu tín dụng giảm dẫn đến việc huy động vốn của ngân hàng cũng có chiều hướng giảm.

Kết hợp với diễn biến dịch bệnh phức tạp, giá vàng trong nước và quốc tế lại có nhiều biến động lớn, đã làm ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư của nhiều người. Một số lượng không nhỏ khách hàng đã rút tiền tiết kiệm, chuyển sang đầu tư vàng hoặc bất động sản, vì lãi suất tại thời điểm này không còn hấp dẫn khách hàng.

Bảng 1: Tăng trưởng huy động vốn NHTM giai đoạn 2016- 2020

Năm	Tăng trưởng huy động vốn (% / năm)	
	Chỉ tiêu	Thực hiện
2017	18-20	15,0
2018	17	12,4
2019	14	14,8
2020	14	14,5
9/2021		4,28

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Tình hình tăng trưởng tín dụng

Giai đoạn 2017-2021, tín dụng được kiểm soát theo mục tiêu nhưng vẫn đảm bảo cho nền kinh tế duy trì tăng trưởng ở mức tốt. Theo đó, tăng trưởng tín dụng năm 2016 đạt 18,25%; năm 2017 đạt 18,28%; năm 2018 đạt 13,89% và năm 2019 đạt 13,65%. Bình quân giai đoạn 2016-2019, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 16%/năm. Năm 2020, do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 nên tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 12,14%. Diễn biến dịch bệnh phức tạp dẫn đến nhu cầu vay vốn của nhiều nhóm DN sụt giảm, làm tăng trưởng tín dụng bị ảnh hưởng rõ rệt. Bên cạnh đó, nhu cầu vay vốn của khách hàng cá nhân cũng giảm mạnh do thu nhập không ổn định. Theo Ella Zoe Doan (2020), dịch bệnh sẽ làm chi tiêu hộ gia đình giảm bình quân 15% với các lĩnh vực như giáo dục,

nhà cửa, ăn uống, giải trí,… Khi tổng chi tiêu của người dân sụt giảm, thì nhu cầu vay tiêu dùng cũng sẽ giảm tương ứng.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính đến quý II/2020, dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng đối với nền kinh tế chỉ tăng 1,96% so với cuối năm 2019, thấp nhất trong khoảng 15 năm gần đây. Nguyên nhân chính là do nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và người dân, hộ gia đình quá thấp (mặc dù các NHTM đã đồng loạt hạ lãi suất, đồng thời tung ra các gói tín dụng ưu đãi, đẩy mạnh khâu kết nối ngân hàng - doanh nghiệp). Mức tăng được ghi nhận đã cải thiện so với những tháng đầu năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn khá nhiều so với con số 7,33% của nửa đầu năm 2019. Cũng theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, tính đến 20/9/2021 tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 7,17% so với cùng kỳ năm 2020. Thực tế này phản ánh hoạt động kinh doanh của DN, hộ kinh doanh gặp nhiều khó khăn, không có nhu cầu vay vốn, khiến cho các NHTM cho vay chưa được như kỳ vọng.

Bảng 2. Tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2016-2020

Năm	Tăng trưởng tín dụng (% / năm)	
	Chỉ tiêu	Thực hiện
2017	18-20	18,28
2018	17	13,89
2019	14	13,65
2020	14	12,14
20/9/2021	.	7,17

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.3. Tình hình lãi suất

Trong những năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2017-2021, lãi suất bằng đồng Việt Nam (VNĐ) diễn biến tương đối ổn định, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ. Năm 2017 và năm 2018, lãi suất không có nhiều biến động, đồng thời môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, áp lực lạm phát không lớn nên thanh khoản tiền đồng được bảo đảm. Năm 2017, lãi suất huy động bằng VNĐ đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng phổ biến ở mức 4,3%-5,4%/năm, năm 2018 là 4,5%-5,5%/năm. Tương tự, đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng lần lượt là 5,3%-6,5%/năm và 5,5%-6,5%/năm; đối với tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng là 6,5%-7,3%/năm và 6,6%-7,3%/năm. Năm 2019, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm ở một số kỳ hạn, phù hợp với động thái điều hành của NHNN. Đến cuối năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động phổ biến ở mức 0,2%-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 5,5%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng trong giai đoạn 2017-2019 phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với kỳ ngắn hạn, kỳ trung

và dài hạn từ 9%-11%/năm. Lãi suất huy động bằng đồng USD nhìn chung phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về chống đô la hóa trong nền kinh tế, hạn chế tình trạng găm ngoại tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Trong giai đoạn 2017-2019, lãi suất huy động bằng USD của các tổ chức tín dụng ở mức 0%/năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8%-4,7% đối với kỳ ngắn hạn, trong năm 2017 và 2018 là 2,8%- 4,7%; năm 2019 là 3,0%-4,7%. Lãi suất kỳ trung và dài hạn phổ biến ở mức 4,5%-6%, trong đó năm 2016 là 4,9%-6%; năm 2017 là 4,6%-6,0%; năm 2018 và năm 2019 là 4,5%-6,0%. Để kịp thời hỗ trợ nền kinh tế trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, trong năm 2020 và 2021 Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với quy mô tương đối lớn và liên tục. Tổng mức giảm từ 1,5% - 2%/năm đối với lãi suất điều hành để hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp; giảm 0,6% - 1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi đồng Việt Nam các kỳ hạn dưới sáu tháng và giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đồng Việt Nam đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân

1.4. Tình hình nợ xấu

Theo thống kê của Forbes Việt Nam, 19 ngân hàng giao dịch trên 3 sàn chứng khoán Việt Nam đang chiếm hơn 63% dư nợ toàn hệ thống. Báo cáo tài chính bán niên 2020 của các ngân hàng cho thấy, tại thời điểm 30/6/2020, tổng nợ xấu của 19 ngân hàng là 92.615 tỉ đồng, tăng hơn 38,6% so với thời điểm đầu năm.

Theo thống kê của Vietstock, trong 22 ngân hàng đã công bố thuyết minh báo cáo tài chính, tính đến 31/12/2019, chỉ có 6/22 ngân hàng có nợ xấu giảm so với đầu năm là ACB (-13%), VietinBank (CTG, -21%), MSB (-11%)… Các NH còn lại đều có nợ xấu tăng, tuy nhiên tỷ lệ tăng không cao hầu hết đều dưới 40%, trừ một số nhà băng như SeABank (+80%), TPBank (+43%). Cụ thể, tổng nợ xấu của 22 ngân hàng được ghi nhận là 78,522 tỷ đồng vào cuối năm 2019, tăng 41% so với đầu năm. Trong cơ cấu nợ xấu, nợ nghi ngờ (nhóm 4) giảm mạnh 18% trong khi nợ dưới chuẩn (nhóm 3) và nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5) chỉ tăng nhẹ 3% và 6% so với năm trước.

Tính từ cuối năm 2018 đến 31/5/2020, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 361.200 tỷ đồng nợ xấu, trong đó nợ xấu do các tổ chức tín dụng tự xử lý là 307.960 tỷ đồng (chiếm 85,26% tổng nợ xấu đã xử lý); nợ xấu bán cho Công ty Quản lý nợ của các tổ chức tín dụng (VAMC) là 48.520 tỷ đồng (chiếm 13,43%); nợ xấu bán cho tổ chức, cá nhân khác là 4.720 tỷ đồng (chiếm 1,3%). Nhờ các biện pháp tích cực, đẩy mạnh xử lý nợ xấu và xử lý tài sản đảm bảo trong thời gian qua, năng lực tài chính của các TCTD được củng cố, chất lượng tín dụng được cải thiện. Các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ cùng với các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng tín dụng và giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống các TCTD

2. Cơ hội của các ngân hàng thương mại

Mặc dù các NHTM Việt Nam đã trải qua một giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhưng đây cũng là dịp để các NHTM tìm ra những hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường để tồn tại và phát triển. Những cơ hội đem tới cho hệ thống NHTM Việt Nam là cơ sở thúc đẩy việc nâng cao năng lực của nền kinh tế.

Thứ nhất, môi trường kinh doanh của Việt Nam được đánh giá ổn định. Sự nỗ lực kiểm soát tốt về dịch bệnh, đã khẳng định Việt Nam là môi trường đầu tư tốt trong dài hạn với an toàn về dịch tễ, kinh tế và chính trị ổn định, thu hút kiều bào về nước đầu tư cũng như người nước ngoài. Về đối ngoại, hội nhập tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng trong nước mở rộng hoạt động ra thị trường nước ngoài thông qua việc cung cấp dịch vụ trong khuôn khổ cam kết, đặc biệt là hiện diện thương mại và cung cấp dịch vụ qua biên giới.

Thứ hai, các ngân hàng tăng cường đầu tư công nghệ số.Theo khảo sát của Ngân hàng Nhà nước, đến nay đã có 96% ngân hàng bước đầu triển khai hoặc đang nghiên cứu, xây dựng chiến lược chuyển đổi số, trong đó trên 50% ngân hàng đang triển khai chuyển đổi số. Nhiều ngân hàng trong nước như TPBank, VPBank, VCBank... đã ứng dụng các công nghệ tiên tiến, giải pháp mới vào hoạt động thanh toán nhằm tăng tốc độ thanh toán, tăng cường an toàn, bảo mật dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng như xác thực sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt); thanh toán qua mã QR; thanh toán an toàn, thuận tiện qua mã hóa thông tin thẻ (Tokenization); thanh toán phi tiếp xúc tốc độ và tiện lợi; giải pháp chấp nhận thanh toán linh hoạt trên thiết bị di động (mPOS).

Thứ ba, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thông thoáng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho NHTM phát triển. Theo đó, Bộ Chính trị có Nghị quyết số 52-NQ/TW-2019 về định hướng phát triển nền kinh tế số, Chính phủ ban hành Chị thị 01/CT-TTg về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số Việt Nam; Song song với đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đang tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo điều kiện cho hoạt động ngân hàng thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng bứt phá, đổi mới sáng tạo, đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh đối với NHTM

3.1. Đẩy mạnh tiến trình chuyển đổi số

Việc số hóa văn bản, thủ tục, phương thức làm việc, phương thức giao dịch trong nội bộ cũng như với khách hàng trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua được đánh giá là việc làm cấp thiết. Do đó, việc đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống big data và nhanh chóng đưa vào sử dụng các sản phẩm ngân hàng số, các giao dịch ngân hàng điện tử, đặc biệt trong nhóm ngân hàng bán lẻ phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ, để giảm giao dịch trực tiếp là việc ưu tiên thực hiện

3.2. Điều chỉnh danh mục cho vay

Hướng tới điều chỉnh danh mục tài sản tiến tới giảm tỷ trọng tín dụng, tăng các tài sản phi tín dụng. Đây là điều không hề dễ dàng, vì tín dụng luôn được coi là

tài sản cơ bản nhất của kinh doanh ngân hàng nhưng nó cũng mang lại nhiều tổn thất nhất, nếu rủi ro tín dụng xảy ra. Do đó, giảm tỷ trọng tín dụng, giảm thu lãi từ tín dụng, bằng tăng tỷ trọng các hoạt động dịch vụ, từ đó tăng thu từ những hoạt động phi tín dụng luôn là mục tiêu của nhiều ngân hàng, nhằm đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nhân lực là chìa khóa vàng của sự thành công, để xây dựng được đội ngũ nhân lực tốt, cần có chính sách tốt nhằm thu hút và nâng cao chất lượng nhân sự có chuyên môn. Thường xuyên cập nhật và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho các nhân viên hiện hữu bằng những khóa học và chương trình đào tạo về chuyên môn, cũng như thực hiện công tác bố trí nhân sự một cách hợp lý và tạo động lực làm việc cho nhân viên cũng là biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của NHTM.

3.4. Hoàn thiện chất lượng dịch vụ

Bên cạnh việc nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm mới, các NHTM cần chú trọng nhiều hơn đến chất lượng hoạt động giao dịch trực tiếp với khách hàng để đảm bảo được sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ. Đặc biệt, cần đơn giản hóa hồ sơ và thủ tục để giao dịch của khách hàng sẽ ngày càng thuận tiện và chính xác, tạo được sự thoải mái cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ. Đồng thời, cũng cần xây dựng nên những chuẩn mực trong giao tiếp với khách hàng và định kỳ hàng năm thực hiện đào tạo, tập huấn cho nhân viên. Thường xuyên đánh giá lại các chuẩn mực này, đảm bảo thực hiện nghiêm túc và xem đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên./.

Tài liệu tham khảo

1.https://dangcongsan.vn/kinh-te/tang-truong-tin-dung-van-tang-7-42-du-dich-benh-593847.html

2.https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-yeu-to-tac-dong-den-no-xau-tai-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-85717.htm

3.https://nganhang.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2021-8-12/Toan-canh-no-xau-ngan-hangho6roa.aspx

4.https://thitruongtaichinhtiente.vn/nam-2020-2021-no-xau-van-la-moi-quan-tam-lon-nhat-doi-voi-nganh-ngan-hang-29004

5.https://thefinancialbrand.com/94558/branches-account-opening-digital-onboard-mobile/

6.hhttps://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/09/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2021/ttps://horizn.com/covid-19/?internal-link.

Ngày nhận bài: **14/12/2021**
Ngày phản biện: **09/01/2022**
Ngày duyệt đăng: **11/01/2022**